

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận và cấp giấy công nhận xã, phường, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn đến năm 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1997/QĐ-UBND ngày 27/6/2012 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kế hoạch triển khai “Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn 2011-2020”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 2646/TTr-SYT ngày 29/6/2021 về việc công nhận và cấp giấy chứng nhận xã, phường, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn đến năm 2020 (năm 2020).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp giấy công nhận cho 19 xã, phường, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020, (năm 2020).

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn đến năm 2020 có tên tại Điều 1, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2QĐ;
- Lưu: VT, VXSln.
- QĐ xã chuẩn YT2020

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đầu Thanh Tùng

DANH SÁCH
Các xã, phường, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế
giai đoạn đến năm 2020 (năm 2020)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên huyện, xã	Tiêu chí I	Tiêu chí II	Tiêu chí III	Tiêu chí IV	Tiêu chí V	Tiêu chí VI	Tiêu chí VII	Tiêu chí VIII	Tiêu chí IX	Tiêu chí X	Tổng điểm
		(3đ)	(10đ)	(11đ)	(9đ)	(10đ)	(17đ)	(14đ)	(13đ)	(9đ)	(4đ)	(100đ)
I	Thị xã Nghi Sơn											
1	Phường Nguyên Bình	3	9	10	6.5	8	15	9	12	7	3	82.5
2	Phường Hải Hòa	3	9	10	6.5	10	15	9.5	12	7	4	86.0
3	Xã Hải Nhân	3	8	10	7	10	15	11	13	7	4	88.0
II	Huyện Nông Cống											
4	Xã Tân Khang	3	8	5.5	6.5	10	16	11	11.5	7	3	81.5
5	Xã Tế Nông	3	9	9.5	6.5	10	16	11	13	9	4	91.0
6	Xã Thăng Bình	3	9	7	6.5	10	16	12	13	9	4	89.5
7	Xã Trung Chính	3	9	7	7.5	10	16	12	13	9	4	90.5
8	Xã Công Chính	3	8	10	7	10	16	11	12	9	4	90.0
III	Huyện Thường Xuân											
9	Thị trấn	3	9	9.5	6.5	9	15	11	10.5	7	3	83.5
IV	Huyện Triệu Sơn											
10	Xã Thọ Dân	3	9	5.5	6.5	10	16	11	11.5	8	3	83.5
11	Xã Tiến Nông	3	9	10	6.5	10	14.5	12	13	9	4	91.0
V	Huyện Ngọc Lặc											
12	Xã Vân Am	3	8	8.5	6.5	9	15	11	11.5	8	3	83.5
13	Xã Mỹ Tân	3	7	10	6.5	10	15	11	13	8	4	87.5
VI	Huyện Quan Sơn											
14	Xã Trung Xuân	3	8	9.5	6	10	14	11	11	8	4	84.5
15	Xã Trung Tiến	3	9	9.5	6	10	14	11	11.5	7	4	85.0
VII	Huyện Thọ Xuân											
16	Xã Xuân Lai	3	9	10	7	10	15	11.5	12	9	4	90.5
VIII	Huyện Hà Trung											
17	Hà Vinh	3	9	9.5	6.5	10	17	12.5	12	8	4	91.5
18	Hà Thái	3	8	9.5	7	10	16	11	12	9	4	89.5
19	Yên Dương	3	9	9.5	6.5	10	16	11.5	12	9	4	90.5
Tổng cộng		19 xã, phường, thị trấn của 08 huyện, thị xã, thành phố										